TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 79/2019/DS-ST
Ngày 17 – 6 – 2019
V/v tranh chấp chia thừa kế

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Thu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Kha.

2. Ông Lý Văn Sua.

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thúy Dung – Là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Kim - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 16 tháng 5 và ngày 14, 17 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 313/2018/TLST-DS, ngày 11 tháng 9 năm 2018 về việc tranh chấp chia thừa kế tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 148/2019/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Lê Thị L, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Ấp B, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1979 theo giấy ủy quyền ngày 25/3/2019 (có mặt).

Địa chỉ: đường H, khóm B, phường X, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Hoàng Ph - Là Luật sư của văn phòng luật sư Trần Hoàng Ph thuộc Đoàn luật sư tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Lê Văn M, sinh năm 1929 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*:

1. Chị Lê Thị D (Mỹ D), sinh năm 1954.

Địa chỉ: Ấp C, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

2. Chị Lê Thị H (Mỹ H), sinh năm 1957.

Địa chỉ: Ấp H, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

3. Chị Lê Thị R (Mỹ R), sinh năm 1959.

Địa chỉ: Ấp B, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

4. Chị Lê Thị Cẩm T (Mỹ T), sinh năm 1965.

Địa chỉ: Ấp X, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

5. Chị Lê Thị U (Mỹ U), sinh năm 1961

Địa chỉ: Ấp B, xã Đ, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

6. Chị Lê Thị M, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Khu phố V, phường T, thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

7. Chị Lê Thị N, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Ấp R, xã T, thị xã H, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện hợp pháp của chị D, H, R, T, U, M, N: Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1979 theo giấy ủy quyền các ngày 02/4/2019; ngày 03/4/2019 (có mặt).

Địa chỉ: đường H, khóm B, phường B, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

8. Anh Lê Văn X, sinh năm 1963 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

9. Anh Lê Minh D, sinh năm 1975 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

10. Ngân hàng CM (gọi tắt Ngân hàng). Địa chỉ: Đường N, phường H, thành phố C.

Đại diện hợp pháp của Ngân hàng: Ông Nguyễn Văn L – Chức vụ: Giám đốc (xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án được bổ sung tại phiên tòa, anh Nguyễn Văn K là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:

Sinh thời bà Trần Thị T' (mẹ ruột) và ông Lê Văn M (cha ruột) được ông bà ngoại của bà là cụ Trần Văn M' (chết năm 1989) và cụ Nguyễn Thị G (chết năm 2002) cho phần đất có diện tích 14.040m^2 thuộc thửa số 20, (trong đó 500m^2 đất thổ cư, 9.100m^2 đất cấy lúa và 4.440m^2 đất làm vườn) tọa lạc tại ấp Bùng Binh 2, xã Hòa Tân, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau do UBND thị xã Cà Mau cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên Lê Văn M theo Quyết định số 1203/QĐUB, ngày 05/09/1990. Ngày 27/6/1991 ông M và bà T' đã tặng cho một phần đất còn lại cho ông Trần Văn Q diện tích 2.904m^2 nên phần đất còn lại 2.086,2m^2, do không tách thửa điều chỉnh giấy chứng nhận nên trên giấy chứng nhận vẫn còn nguyên diện tích. Năm 2011 ông M đã chuyển nhượng một phần thuộc thửa đất nói trên cho ông Trần Thanh L' diện tích 9.100m^2 đất cấy lúa. Đến năm 2012 mẹ chị L là cụ Trần Thị T' chết, khi chết không để lại di chúc. Cha mẹ chị L có 10 người con gồm: Lê Thị D, Lê Thị H, Lê Thị R, Lê Thị Cẩm T, Lê Văn X, Lê Thị U, Lê Thị M, Lê Minh D, Lê Thị N và chị. Hiện phần đất còn lại theo trích đo hiện trạng của Trung tâm kỹ thuật – công nghệ - quan trắc tài nguyên và môi trường ngày 25/12/2018 diện tích 2.086,2m^2.

Nay nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế theo quy định của pháp luật phần đất trên, cụ thể diện tích 2.086,2m^2 chia đôi, ông M được hưởng 1.043,1m^2, còn lại 1.043,1m^2 được chia đều 12 phần, mỗi phần có diện tích 86,92m^2, chị L nhận 03 phần (01 phần của chị L, 01 phần của bà T' và 01 phần hương hỏa) với tổng diện tích 260,76m^2 thuộc thửa đất số 20 tại vị trí phần đất hiện hữu của căn nhà hiện chị L đang quản lý và sinh sống.

- Tại bản tự khai, biên bản hòa giải ông Lê Văn M trình bày: Ông thừa nhận ông và vợ ông là bà Trần Thị T' có phần đất thửa số 20 diện tích còn lại 4.940m^2 (trong đó có 500m^2 đất thổ cư và 4.440m^2 đất vườn) tọa lạc tại ấp Bùng Binh 2, xã Hòa Tân, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau do UBND thị xã Cà Mau cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông đứng tên theo Quyết định số 1208/QĐUB, ngày 05/09/1990. Nguồn gốc phần đất này là của cha mẹ vợ ông là cụ Trần Văn M' (chết năm 1989), cụ Nguyễn Thị G (chết năm 2002) để lại cho ông và vợ ông. Trên phần đất diện tích 4.940m^2 có một căn nhà tình nghĩa có chiều ngang 7m, chiều dài 30m, diện tích 210m^2. Nay ông đồng ý chia cho chị Lê Thị L phần đất chiều ngang 7,5m, chiều dài 32m thuộc thửa đất số 20 tại vị trí phần đất hiện hữu của căn nhà tình nghĩa để chị L thờ cúng.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị D, chị Lê Thị H, chị Lê Thị R, chị Lê Thị Cẩm T, chị Lê Thị U, chị Lê Thị M: Thống nhất với ý kiến trình bày và yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị L, không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

- Tại bản tự khai, biên bản hòa giải anh Lê Minh D trình bày: Anh thống nhất với ý kiến ông M, không yêu cầu hay trình bày gì thêm.

- Tại đơn xin vắng mặt ngày 14/6/2019 đại diện Ngân hàng trình bày: Ông Lê Văn M không vay vốn tại Ngân hàng mà ủy quyền cho con là Lê Minh D vay vốn tại Ngân hàng và món vay đang dư nợ trong hạn. Nay chị L khởi kiện ông M chia thừa kế Ngân hàng không yêu cầu trong vụ án này và có yêu cầu vắng mặt tại các phiên hòa giải và xét xử.

- Người bảo vệ quyền, lợi ích của nguyên đơn trình bày: Phần đất nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế có nguồn gốc là của cụ Trần Văn M' (chết năm 1989), cụ Nguyễn Thị G (chết năm 2002) để lại cho cha mẹ chị L là bà T' và ông M, do bà T' chết không để lại di chúc nên nguyên đơn yêu cầu chia theo quy định pháp luật, phần đất thực tế còn lại yêu cầu chia có diện tích 2.086,2m^2 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật, không có vi phạm gì. Riêng ý kiến về việc giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 651 Bộ luật dân sự: Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn, ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn là ông M chia phần đất cho nguyên đơn có diện tích 240m^2. Về chi phí đo đạc, án phí xử lý theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng, ông M, anh D, anh X đã được Tòa án triệu tập tham gia tố tụng theo quy định nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Ngân hàng CM có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp về chia thừa kế, cụ thể là chia thừa kế theo quy định pháp luật đối với di sản của cụ T' để lại là phần đất thuộc thửa số 20 diện tích còn lại 4.940m^2 (trong đó có 500m^2 đất thổ cư và 4.440m^2 đất vườn) tọa lạc tại ấp Bùng Binh 2, xã Hòa Tân, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau do UBND thị xã Cà Mau cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên Lê Văn M. Tuy nhiên, theo trích đo hiện trạng ngày 26/12/2018 phần đất thực tế còn lại diện tích 2.086,2m^2, đại diện hợp pháp của nguyên đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và bị đơn đều thống nhất phần đất còn lại có diện tích 2.086,2m^2 để làm cơ sở di sản chia thừa kế.

Về yêu cầu của nguyên đơn, xét thấy nguyên đơn yêu cầu phần đất có diện tích 2.086,2m^2 được chia làm 12 phần (10 phần của 10 người con, 01 phần của bà T' và 01 phần hương hỏa), mỗi người được nhận là 86,92m^2, chị L được nhận 03 phần với tổng diện tích 260,76m^2 gồm: Chị L 01 phần; bà Trần Thị T' 01 phần; thờ cúng hương hỏa 01 phần, yêu cầu của nguyên đơn là chưa phù hợp, không đúng với quy định của pháp luật về thừa kế. Bởi lẽ, bà T' chết không để lại di chúc, do đó phần di sản của bà T' để lại được chia theo pháp luật, mặt khác, đối chiếu quy định của pháp luật về thừa kế thì thời điểm mở thừa kế là thời điểm người có tài sản chết, nghĩa là bà T' chết mới phát sinh thời điểm mở thừa kế. Người thừa kế là cá nhân phải là người còn sống vào thời điểm mở thừa kế hoặc sinh ra và còn sống . . . Như vậy, theo bản trích đo hiện trạng thực tế phần đất của ông M, bà T' có diện tích 2.086,2m^2 chia 2 bằng 1.043,1m^2 là tài sản của ông M, phần tài sản còn lại 1.043,1m^2 là di sản của bà T' chết để lại được chia đều cho 11 người thuộc hàng thừa kế thứ nhất, gồm ông M và 10 người con của ông M, bà T', mỗi người được hưởng 94.82m^2. Bà L là người hiện đang thờ cúng ông bà và mẹ ruột, lẽ ra phải được hưởng phần nhiều hơn so với những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất nhưng không nhất thiết là 02 kỷ phần do trong anh em có một số người không đồng ý việc để di sản dùng vào việc thờ cúng. Tuy nhiên, quá trình hòa giải cũng như tại biên bản ghi ý kiến ông M vẫn thống nhất chia cho chị L phần đất có diện tích 240m^2 (ngang 7.5m, dài 32m), trong đó: 140m^2 đất ở và 100m^2 đất làm vườn. Xét thấy việc tự nguyện của bị đơn có lợi cho nguyên đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này. Hơn nữa, trên thực tế phần đất bị đơn thống nhất chia cho nguyên đơn đã có cất 02 căn nhà tổng diện tích 87.82m^2 do nguồn gốc đất là của cụ Trần Văn M' và cụ Nguyễn Thị G là cha mẹ vợ của bà T' và ông M theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ.

Như vậy, chị L được chia và được toàn quyền quản lý, sử dụng phần đất có diện tích 240m^2 (Trong đó: 140 đất ở, 100m^2 đất vườn) tọa lạc tại ấp Bùng Binh 2, xã Hòa Tân, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau theo trích đo hiện trạng ngày 26/12/2018.

Chị L có trách nhiệm liên hệ với cơ quan quản lý đất đai ở địa phương để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với phần đất trên.

[3] Đối với những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là những người con còn lại của ông M, bà T' quá trình giải quyết vụ án không có ý kiến hay yêu cầu gì và đã ủy quyền anh K tham gia tố tụng theo quy định. Riêng anh D thống nhất với ý kiến ông M; anh X không trình bày ý kiến hay yêu cầu gì nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Đối với Ngân hàng xác định anh Lê Minh D được ông Lê Văn M ủy quyền vay vốn tại Ngân hàng và món vay đang dư nợ trong hạn. Ngân hàng không yêu cầu trong vụ án này và có yêu cầu vắng mặt tại các phiên hòa giải và xét xử. Xét thấy: Ngân hàng không yêu cầu trong vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Trường hợp đến hạn thanh toán anh D và Ngân hàng không tự thỏa thuận được, Ngân hàng có quyền khởi kiện thành vụ án dân sự khác theo quy định pháp luật. Hơn nữa, số tiền anh D vay tại Ngân hàng so với phần đất còn lại của bị đơn 1.846,2m^2 (2.086,2m^2 – 240m^2) sau khi đã chia cho nguyên đơn vẫn đủ đảm bảo để thi hành án nếu anh D không thanh toán nợ.

[5] Đối với việc chị L xác định ngoài tài sản là phần đất có diện tích 4.940m^2, ông M, bà T' còn tài sản là phần đất có diện tích 6.690m^2 tọa lạc tại xã Hòa Tân, thành phố Cà Mau nhưng chị không yêu cầu chia thừa tế đối với tài sản này nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] Tại biên bản ngày 01/11/2018 về việc ghi nhận các đương sự tự thỏa thuận về việc giải quyết vụ án bị đơn vẫn thống nhất chia cho nguyên đơn diện tích 240m^2 nhưng do nguyên đơn có thay đổi ý kiến là không đồng ý với sự thỏa thuận và có yêu cầu diện tích nhiều hơn nên phát sinh chi phí đo đạc, định giá do đó nguyên đơn phải chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá theo quy định.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm, chị L, ông M phải nộp theo quy định. Tuy nhiên, ông M hiện nay đã trên 60 tuổi, là người cao tuổi, thuộc trường hợp được miễn nộp án phí đối với phần án phí dân sự sơ thẩm mà ông M phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 157, 158, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 649, 651 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 12, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận một phần yêu cầu của chị Lê Thị L.

Giao phần đất ngang 7.5m dài 32m diện tích 240m^2 (trong đó: 140m^2 đất ở, 100m^2 đất vườn) thuộc thửa số 20, tờ bản đồ số 01 do UBND thị xã Cà Mau cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 27/6/1991 đứng tên Lê Văn M, đất tọa lạc tại ấp

Bùng Binh 2, xã Hòa Tân, thành phố Cà Mau cho chị Lê Thị L quản lý, sử dụng theo sự tự nguyện của bị đơn. Kèm theo trích đo hiện trạng ngày 26/12/2018 của Trung tâm kỹ thuật – Công nghệ - Quan trắc tài nguyên và môi trường. Phần đất có tứ cận:

+ Phía Đông giáp phần đất còn lại của ông Lê Văn M cạnh dài 32m;

+ Phía Tây giáp phần đất ông Trần Văn H cạnh dài 32m;

+ Phía Nam giáp phần đất còn lại của ông Lê Văn M cạnh ngang 7.5m;

+ Phía Bắc giáp đường lộ xi măng cạnh ngang 7.5m.

- Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá chị Lê Thị L chịu, theo hợp đồng số: 228/2018/HĐ-DVĐĐ ngày 28/11/2018 và hợp đồng số 22/2019/HĐTĐG-TVCorp ngày 22/4/2019.

- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

+ Chị Lê Thị L phải nộp số tiền 6.130.000đ. Ngày 11/9/2018, chị L đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 681.000đ theo biên lai số 0001315 được đối trừ chuyển thu, chị L còn phải nộp tiếp số tiền 5.449.000đ (Năm triệu bốn trăm bốn mươi chín nghìn đồng – chưa nộp).

+ Ông Lê Văn M được miễn nộp tiền án phí dân sự theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông M, anh D, anh X, Ngân hàng CM được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Lê Thị Thu